**Biểu mẫu số 01. Đề cương báo cáo đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:**

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Từ 2011 đến nay xã đã ban hành …. văn bản các loại, trong đó có … Nghị quyết chuyên đề, …. đề án, …. chương trình hành động, …. kế hoạch triển khai thực hiện, …. văn bản đôn đốc công tác lãnh đạo, chỉ đạo và các văn bản chỉ đạo khác.

*(Báo cáo kèm theo phụ lục số 01, 02)*

2. Về việc tuyên truyền, vận động; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới:

2.1. Tuyên truyền, vận đồng:

2.2. Tập huấn:

2.3. Đào tạo:

*(Báo cáo kèm theo phụ lục số 03)*

3. Về tổ chức bộ máy thực hiện chương trình:

4. Về ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. *(bao gồm: hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; thu gom, xử lý rác thải, nước thải, cải tạo cảnh quan môi trường; phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi; lồng ghép, huy động nguồn lực; cơ chế đầu tư đặc thù; hỗ trợ lãi suất vay tín dụng; xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu, xã nông thôn mới kiểu mẫu...)*

5. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (tổng hợp các cuộc họp, kiểm tra thực hiện xây dựng nông thôn mới có biểu kèm theo)

*(Báo cáo kèm theo phụ lục số 04)*

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2011-2018 (tính đến 30/6/2018)**

**1. Kết quả thực hiện các tiêu chí:**

*(Tập trung đánh giá các tiêu chí nông thôn mới theo quyết định 05/2017/QĐ-UBND ngày 07/2/2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)*

*(Chi tiết theo phụ biểu số 05)*

1.1. Công tác lập quy hoạch và sử dụng quy hoạch:

1.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

a) Về giao thông nông thôn:

b) Về Thủy lợi:

c) Về Điện nông thôn:

d) Về Trường học các cấp:

đ) Về Cơ sở vật chất văn hóa:

e) Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

g) Về Thông tin và Truyền thông:

h) Về Nhà ở dân cư:

*(Chi tiết theo phụ biểu số 06, 6.1, 6.2 kèm theo)*

1.3. Phát triển kinh tế và tổ chức sản xuất:

a) Về Thu nhập:

b) Về Hộ nghèo:

c) Về Lao động có việc làm:

d) Về Tổ chức sản xuất:

*(Chi tiết theo phụ biểu số 07, 7.1, 08, 8.1 kèm theo)*

1.4. Phát triển văn hóa - xã hội - môi trường:

a) Về giáo dục và Đào tạo:

*(Tập trung đánh giá sâu việc dạy nghề cho lao động nông thôn).*

*(Chi tiết theo phụ biểu số 8.2 kèm theo)*

b) Về Y tế:

c) Về Văn hóa:

d) Về Môi trường và an toàn thực phẩm:

1.5. Xây dựng hệ thống tổ chức chính trị:

a) Về xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật:

b) Về đảm bảo Quốc phòng và An ninh ở nông thôn:

1.6. Xây dựng Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu:

*(Chi tiết theo phụ biểu số 09 kèm theo)*

**2. Kết quả xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu (đối với 18 xã được UBND tỉnh chấp thuận phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2015 – 2020).**

2.1. Về phát triển sản xuất:

2.2. Về thu nhập:

2.3. Về kết cấu hạ tầng:

- Giao thông:

- Thủy lợi:

- Trường học:

- Cơ sở vật chất văn hóa:

2.4. Giáo dục – Y tế - Văn hóa – Môi trường:

- Giáo dục:

- Y tế:

- Văn hóa:

- Môi trường:

2.5. Hệ thống chính trị:

- Hệ thống tổ chức chính trị xã hội vững mạnh:

- An ninh trật tự:

2.6. Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu:

*(Chi tiết theo phụ biểu số 10 kèm theo)*

**3. Kết quả phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh**

3.1. Tổng số mô hình sản xuất kinh doanh thành lập mới giai đoạn 2011 – 2018: … mô hình, trong đó: … mô hình quy mô lớn, … mô hình quy mô vừa, … mô hình quy mô nhỏ.

3.2. Tổng số mô hình sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011 – 2018 đã ngừng hoặc không hoạt động: … mô hình, trong đó: … mô hình quy mô lớn, … mô hình quy mô vừa, … mô hình quy mô nhỏ.

3.3. Tổng số mô hình được hưởng chính sách hỗ trợ của cấp tỉnh: … mô hình, trong đó có … mô hình đang hoạt động, … mô hình ngừng hoạt đồng và … mô hình không hoạt động.

**4. Báo cáo kết quả thực hiện cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng** đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (theo Quyết định 498/QĐ-TTg ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ (giai đoạn 2013-2016) và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ (giai đoạn 2017-2018)).

**5. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2011 - 2018**

+ Ngân sách nhà nước (Nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình (ngân sách Trung ương, tỉnh; ngân sách huyện; ngân sách xã);

+ Lồng ghép các chương trình, dự án (bao gồm các chương trình, dự án khác kể cả các dự án ODA, FDI đầu tư trên địa bàn));

+ Huy động từ doanh nghiệp;

+ Về kết quả cho vay tín dụng;

+ Huy động đóng góp của người dân và xã hội hóa;

*(Báo cáo kèm theo phụ lục số 11, 11.1)*

- Tình hình nợ xây dựng cơ bản trên địa bàn đến thời điểm 30/8/2018, trong đó:

+ Nợ đến ngày 31/12/2014;

+ Nợ sau 31/12/2014.

+ Nợ đọng có sử dụng nguồn vốn nông thôn mới đến ngày 30/8/2018.

*(Chi tiết theo phụ biểu số 12, 12.1, 12.2 kèm theo)*

**6. Kết quả đỡ đầu tài trợ:**

*(Chi tiết theo phụ biểu số 13 kèm theo)*

**7. Kết quả thực hiện các cơ chế chính sách:**

7.1. Các cơ chế chính sách của Trung ương ban hành:

7.2. Các cơ chế chính sách của tỉnh ban hành:

7.3. Các cơ chế chính sách của cấp huyện ban hành:

7.4. Các cơ chế chính sách của xã ban hành:

*(Chi tiết theo phụ biểu số 14 kèm theo)*

**8. Kết quả khắc phục những kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán, kiểm tra, giám sát.**

**9. Đánh giá cơ chế điều phối, phối kết hợp giữa các cấp, các ngành, đơn vị, địa phương trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình.**

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

1. Mặt được.

2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

**IV. MỤC TIÊU PHẤN ĐẤU**

**V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI**

**VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**